|  |  |
| --- | --- |
| UBND THỊ XÃ VIỆT YÊN  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  (HDC có **03** trang) | **HDC THI CHỌN HSG VĂN HOÁ CẤP THỊ XÃ**  **NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN THI: Tiếng Anh – Lớp 8 (Thân Nhân Trung)**  **Ngày thi: 30/3/2024** |

**PHẦN II. TỰ LUẬN**

**I. Complete each of the following sentences by giving the correct tense or form of the verbs in brackets. (5 points) Mỗi câu đúng 0,5 đ**

1. have read / have been reading

2. to have

3. to have been painted

4. not to be disturbed

5. bring

6. burning

7. was being moved

8. wouldn’t be

9. was given

10. being

**II. There are FIVE mistakes in the following passage. Find and correct them. Write your answers in the provided box. (5 points) Mỗi câu đúng 1đ ( tìm đc lỗi sai 0,5đ, chữa đc lỗi sai 0,5đ )**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sentence** | **Mistake** | **Correction** |
| 1 | for | into |
| 2 | knew | had known |
| 3 | annoyed | annoying |
| 4 | quietly | quiet |
| 5 | furnitures | furniture |

**III. Complete the following passage by filling in each of the numbered blanks with ONE suitable word. Write your answers in the provided box. (10 points) Mỗi câu đúng 1 đ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. all | 2. no | 3. be | 4. by | 5. been |
| 6. makes | 7. on | 8. well | 9. for | 10. if |

**IV. Give the correct form of the given words in the brackets to finish the following sentences. Write your answer in the numbered space given below. (5 points) Mỗi câu đúng 0,5 đ**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. valuables | 2. promising |
| 3. unforgettable | 4. picturesquely |
| 5. misunderstood | 6. ladylike |
| 7. alternative | 8. beautified |
| 9. readiness | 10. unexpectedly |

**V. Read the passage and choose the best heading in the box for each paragraph. There are three extra ones that should not be used.** **(5 points) Mỗi câu đúng 1đ**

1. C 2. H 3. D 4. F 5. G

**VI. Finish each of the following sentences in such a way that it means exactly the same as the sentence printed before. (10 points) Mỗi câu đúng 1đ**

1.Having been fired once, I felt very sympathetic towards him.

2. Janet apologised to her employer for arriving late.

Janet apologised to her employer for having arrived late.

3. I’d rather you didn’t ask me that question.

4. I look forward to picking up fruit in our garden.

5. Intelligent as / though Lan is , she can’t find the answer to this question.

6. Although it rained heavily , we went to school on time.

Although the rain was heavy, we went to school on time.

7. This restaurant is the most expensive.

This restaurant is more expensive than any other restaurants.

8. If I were you , I would take more exercise.

9. I have no intention of telling you about my projects.

10. We are going to have the / our car repaired by / in the garage next week.

We are going to get the / our car repaired by / in the garage next week.

We are going to have the garage repair the / our car next week.

We are going to get the garage to repair the / our car next week.

**VII. Use the word given to complete the second sentence so that it means the same as the first one. Do not change the word given. (10 points)**

**Mỗi câu đúng 1 đ**

1. The ice in Antarctica **is said to be getting** thinner all the time.

2. He **was in the habit of getting** up very late.

3. My father **is under the weather** these days.

4. I **whiled ( away) the time looking** through some magazines.

5. He often **lent me a hand when we were at primary school**.

6. I am **better at English ( than any other subjects)** at school.

7. I wish that we **had done** more sport when I was at school.

8. 🖎 The strong wind **prevented us from enjoying** our walk along the seafront.

🖎 The strong wind **prevented our enjoyment of** our walk along the seafront.

9. Over the past five years, there **has been a rise** in the number of car owners.

10. Nam **couldn’t have done that**.

**VIII. Write a paragraph of about 150 words about your job in the future. (10 pts).**

**Các tiêu chí chấm bài viết đoạn văn.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả chi tiết các tiêu chí** | **Điểm** |
| **Cấu trúc** | Đúng cấu trúc của đoạn văn, phù hợp với chủ đề: Có câu chủ đề (Topic sentence); các ý minh họa (Supporting sentences/ ideas, từ 2 supporting sentences/ ideas trở lên); và câu kết luận (Concluding sentence). | 3 |
| **Nội dung** | - Viết đúng chủ đề, các ý minh họa rõ ràng, có tính thuyết phục. | 2 |
| - Viết logic, hợp lí; mạch lạc, rõ ràng | 2 |
| **Ngôn ngữ** | - Viết đúng cấu trúc ngữ pháp; sử dụng các liên từ hợp lý để liên kết các ý trong đoạn  - Sử dụng từ vựng phù hợp, phong phú, hạn chế lặp lại từ vựng | 2 |
| **Trình bày** | - Viết đủ số từ theo quy định  - Không xuống dòng | 1 |
| **Tổng điểm** | | **10/100** |
| **Cách tính lỗi (trừ điểm)** | | |
| - Mỗi lỗi ngữ pháp, cấu trúc câu,….: | | 0,25 |
| - Mỗi lỗi từ vựng | | 0,25 |
| - Số lượng từ (+ - 30% số từ theo quy định) | | 1 |

**Các phương án khác đúng vẫn cho điểm tối đa**

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com